

# CPA HANOI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

*kèm theo*

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
**CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

---

**MỤC LỤC**

*Trang*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

01 - 02

BÁO CÁO KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

03 - 04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

*Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014*

05 - 07

*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014*

08

*Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2014*

09

*Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014*

10 - 11

*Bản thuyết minh báo cáo tài chính*

12 - 32

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM  
Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG TY

Thành lập:	Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các giấy phép điều chỉnh sau này
Vốn điều lệ:	125.000.000.000 đồng Việt Nam
Hoạt động chính trong năm:	Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính
Trụ sở chính:	Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Hà Nội:	Tầng 23, Tòa nhà Thủ Đô, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

#### *Hội đồng Quản trị*

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Dương Công Minh	Chủ tịch	04/06/2013
Ông Nguyễn Văn Thanh	Phó chủ tịch	04/06/2013
Ông Huỳnh Ngọc Huy	Phó chủ tịch	04/06/2013
Ông Nguyễn Văn Huỳnh	Thành viên	04/06/2013
Ông Lâm Việt Sơn	Thành viên độc lập	04/06/2013

#### *Ban Tổng Giám đốc*

<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	Tổng Giám đốc	18/06/2013
	kiêm Giám đốc chi nhánh	01/11/2013

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT

Địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM  
Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Vị trí	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Phương Thanh	Trưởng ban	04/06/2013
Bà Trần Thị Hồng	Thành viên	04/06/2013
Ông Trần Trung	Thành viên	04/06/2013

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty.

#### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, nguồn vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Thị Bích Hồng**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015



**CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM**

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

*Số tham chiếu: 15-2-0006/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM*

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt (“Công ty”), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 19 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 32.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## ***Vấn đề cần nhấn mạnh***

Theo thông tin trình bày tại mục 30 bản thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đã ký các hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group), tổng giá trị 32,5 tỷ đồng. Khoản đầu tư này đang được ghi nhận là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán và chưa trích lập dự phòng do không có giá tham chiếu đáng tin cậy (xem thuyết minh số 5).

Ngoài ra, khoản đầu tư này có liên quan đến vụ kiện ông Hoàng Xuân Quyến về việc ông Quyến đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác kinh doanh. Tổng số tiền ông Quyến và các cá nhân có liên quan phải trả cho Công ty là 32.500.000.000 đồng và tiền lãi ước tính. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, ông Quyến và các cá nhân có liên quan đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần bán đấu giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản ngày 10 tháng 09 năm 2014 không thành công (phiên thứ 9). Và tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá kế tiếp. Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và đã ra Bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: buộc ông Hoàng Xuân Quyến bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khắc phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyến. Công ty đang chờ Tòa án xét xử phúc thẩm. Do vụ việc vẫn đang trong quá trình xét xử và chưa có quyết định cuối cùng từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan nên chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của khoản đầu tư này cũng như ảnh hưởng có liên quan đến kết quả kinh doanh của Công ty chưa được ghi nhận (nếu có).

Khoản lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31 tháng 12 năm 2014 là 20.183.644.477 đồng, chiếm tỷ lệ 16% vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 09 (chín) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt giữ 08 (tám) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

## **Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội**



**Nguyễn Ngọc Tĩnh – Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

  
**Tô Quang Tùng – Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>	<b>100</b>		<b>131.279.332.392</b>	<b>108.121.502.862</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>4</i>	<i>47.422.318.962</i>	<i>30.885.786.038</i>
1. Tiền	111		1.422.318.962	1.885.786.038
2. Các khoản tương đương tiền	112		46.000.000.000	29.000.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>5</i>	<i>55.500.000.000</i>	<i>44.000.000.000</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		55.500.000.000	44.000.000.000
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>25.992.181.506</i>	<i>31.014.287.568</i>
1. Phải thu khách hàng	131	6	35.863.387.838	36.239.387.838
2. Trả trước cho người bán	132	6	27.018.750	151.253.089
3. Phải thu khác	138	6	13.358.047.614	13.710.919.337
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(23.256.272.696)	(19.087.272.696)
<i>IV. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>2.364.831.924</i>	<i>2.221.429.256</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	357.543.078	366.194.817
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	2.007.288.846	1.855.234.439
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.431.313.176</b>	<b>6.764.669.553</b>
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>1.860.078.860</i>	<i>6.076.058.095</i>
1. <i>Tài sản cố định hữu hình</i>	221	11	1.059.831.357	2.180.548.920
- Nguyên giá	222		6.189.260.090	6.212.934.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.129.428.733)	(4.032.385.139)
2. <i>Tài sản cố định vô hình</i>	227	12	800.247.503	3.895.509.175
- Nguyên giá	228		15.069.690.564	15.039.690.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.269.443.061)	(11.144.181.389)
<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>571.234.316</i>	<i>688.611.458</i>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	114.359.558	236.868.320
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	10	330.754.626	330.754.626
3. Tài sản dài hạn khác	268	13	126.120.132	120.988.512
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>133.710.645.568</b>	<b>114.886.172.415</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>28.776.658.356</b>	<b>11.976.064.431</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>28.735.682.380</i>	<i>11.935.088.455</i>
1. Phải trả người bán	312		62.688.936	61.160.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	252.213.253	24.855.532
3. Phải trả người lao động	315		252.438.596	232.887.809
4. Chi phí phải trả	316	15	266.406.025	54.343.787
5. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	2.422.855.737	2.438.467.231
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	538.976.673	607.155.605
7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	18	24.073.688.095	8.464.197.365
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		52.021.126	52.021.126
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		814.393.939	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>40.975.976</i>	<i>40.975.976</i>
1. Phải trả dài hạn khác	333	19	40.975.976	40.975.976
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>104.933.987.212</b>	<b>102.910.107.984</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>104.933.987.212</i>	<i>102.910.107.984</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		39.210.563	39.210.563
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		78.421.126	78.421.126
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(20.183.644.477)	(22.207.523.705)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>133.710.645.568</b>	<b>114.886.172.415</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
1. Chứng khoán lưu ký	006		557.797.670.000	671.094.680.000
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		4.057.010.000	621.092.860.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		4.057.010.000	621.092.860.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		1.620.000	1.620.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		1.620.000	1.620.000
1.3. Chứng khoán cầm cố	017		553.738.540.000	50.000.000.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		553.738.540.000	50.000.000.000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	037		500.000	200.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		500.000	200.000



**Nguyễn Thị Bích Hồng**  
Tổng Giám đốc

**Trần Lan Hương**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Nga**  
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>1. Doanh thu</b>	01		<b>18.188.050.887</b>	<b>44.530.506.151</b>
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		10.470.000.000	17.380.521.735
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	23.117.211.984
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		10.000.000	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		3.188.181.820	514.545.454
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		273.563.551	428.751.907
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		130.296.000	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9	21	4.116.009.516	3.089.475.071
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	10		<b>18.188.050.887</b>	<b>44.530.506.151</b>
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	22	5.405.027.191	32.294.552.529
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>12.783.023.696</b>	<b>12.235.953.622</b>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	10.759.144.468	8.212.136.029
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>2.023.879.228</b>	<b>4.023.817.593</b>
8. Thu nhập khác	31		-	1.348.978.904
9. Chi phí khác	32		-	1.596.171.973
<b>10. Lợi nhuận khác</b>	40		-	<b>(247.193.069)</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>2.023.879.228</b>	<b>3.776.624.524</b>
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>2.023.879.228</b>	<b>3.776.624.524</b>
<b>15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	25	<b>162</b>	<b>302</b>



**Nguyễn Thị Bích Hồng**  
 Tổng Giám đốc  
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

**Trần Lan Hương**  
 Kế toán trưởng

**Bùi Thị Nga**  
 Người lập biểu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM  
 Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)		Số cuối năm			
	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay		
	VND	VND	Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.000.000.000	125.000.000.000	18.750.000.000	(18.750.000.000)	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
Quỹ Đầu tư phát triển	39.210.563	39.210.563	-	-	-	-	39.210.563	39.210.563
Quỹ Dự phòng tài chính	78.421.126	78.421.126	-	-	-	-	78.421.126	78.421.126
LN chưa phân phối	(25.984.148.229)	(22.207.523.705)	3.776.624.524	-	2.023.879.228	-	(22.207.523.705)	(20.183.644.477)
<b>Cộng</b>	<b>99.133.483.460</b>	<b>102.910.107.984</b>	<b>22.526.624.524</b>	<b>(18.750.000.000)</b>	<b>2.023.879.228</b>	<b>-</b>	<b>102.910.107.984</b>	<b>104.933.987.212</b>



**Nguyễn Thị Bích Hồng**  
**Tổng Giám đốc**

**Trần Lan Hương**  
**Kế toán trưởng**

**Bùi Thị Nga**  
**Người lập biểu**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		18.324.069.341	23.311.484.073
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(993.906.054)	(3.468.055.714)
3. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		314.992.755.923	757.864.613.505
4. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(299.172.147.625)	(746.350.370.419)
5. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(2.022.882.830)	(1.767.255.567)
6. Tiền chi trả cho người lao động	11		(2.971.345.923)	(3.129.655.796)
7. Tiền chi trả lãi vay	12		-	(24.150.328.533)
8. Tiền thu khác	14		1.778.604.357	3.227.095.322
9. Tiền chi khác	15		(2.779.473.778)	(5.486.421.998)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>27.155.673.411</b>	<b>51.104.873</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(30.000.000)	(991.573.874)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.483.149.669
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(101.400.000.000)	(102.862.500.127)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		89.900.000.000	658.516.809.579
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		910.859.513	21.890.861.184
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10.619.140.487)</b>	<b>578.036.746.431</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (tiếp theo)  
(theo phương pháp trực tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		- (570.500.000.000)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		- (570.500.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		16.536.532.924	7.587.851.304
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	30.885.786.038	23.297.934.734
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	47.422.318.962	30.885.786.038



Nguyễn Thị Bích Hồng  
Tổng Giám đốc

Trần Lan Hương  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Nga  
Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP*****Thành lập***

Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Viettranimex được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy phép số 104/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 02 năm 2009;
- Quyết định số 304/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi vốn góp giữa các cổ đông sáng lập;
- Quyết định số 316/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 20 tháng 04 năm 2010 về việc đổi tên Công ty;
- Quyết định số 309/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 10 tháng 03 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 325/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 25 tháng 05 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định 621/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 03 tháng 08 năm 2010 về việc thành lập chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 367/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 11 năm 2010 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 185/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 02 năm 2011 về việc thay đổi người đứng đầu chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 622/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 24 tháng 08 năm 2011 về việc thay đổi địa chỉ chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Công văn số 581/2013/SGDHCM-TV ngày 16 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Công văn số 487/SGDHN-QLTV ngày 22 tháng 04 năm 2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc ngừng giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 02 tháng 05 năm 2013;
- Quyết định số 31/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 07 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện pháp luật;
- Quyết định số 33/GPĐC-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi trụ sở chính;
- Quyết định số 462/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 06 tháng 08 năm 2013 về việc thay đổi tên và địa chỉ chi nhánh;
- Quyết định số 08/2013/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Quyết định số 464/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 20 tháng 09 năm 2013 về việc chấm dứt tư cách Thành viên giao dịch của Công ty từ ngày 20 tháng 09 năm 2013;
- Giấy chứng nhận Thành viên lưu ký số 112/GCNTVLK do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chứng nhận lần đầu ngày 10 tháng 09 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12 tháng 08 năm 2013.

***Trụ sở chính:*** Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Vốn điều lệ:*** 125.000.000.000 đồng.

***Hoạt động kinh doanh chính trong năm:*** Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính.

***Tổng số nhân viên*** đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 21 người, trong đó 14 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ**

***Kỳ kế toán***

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

***Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán***

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

***Hình thức kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

***Chế độ kế toán áp dụng***

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

***Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán***

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

***Tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

***Đầu tư tài chính***

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)*****Đầu tư tài chính (tiếp theo)***

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

***Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác***

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

***Tài sản cố định và khấu hao*****Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Tài sản cố định và khấu hao (tiếp theo)**

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5	-	5	năm
Phương tiện vận tải			7	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	-	5	năm
Tài sản cố định khác			3	năm
Phần mềm máy tính			5	năm
Tài sản cố định vô hình khác	3	-	5	năm

**Chi phí chờ phân bổ**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng:

- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí sửa chữa văn phòng;
- Chi phí chờ phân bổ khác.

**Phải trả và trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**Vốn chủ sở hữu**

**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<b>Các quỹ</b>	<b>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</b>	<b>Mức trích lập tối đa</b>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	10%	25% vốn điều lệ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

***Doanh thu***

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành.

Thu nhập từ lãi tiền gửi

Thu nhập từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

***Công cụ tài chính***

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết.

**Nợ tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

**Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền mặt	9.881.830	9.058.765
Tiền gửi ngân hàng	1.412.437.132	1.876.727.273
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>564.430.946</i>	<i>633.218.112</i>
Tương đương tiền	46.000.000.000	29.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>47.422.318.962</b>	<b>30.885.786.038</b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng, lãi suất 4% đến 5%/năm.

**5. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Hợp tác đầu tư	32.500.000.000	32.500.000.000
+ <i>Cổ phiếu đầu tư (Cotec Group) (*)</i>	<i>32.500.000.000</i>	<i>32.500.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	23.000.000.000	11.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>55.500.000.000</b>	<b>44.000.000.000</b>

(\*) *Hợp tác đầu tư cổ phiếu "Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng" (Cotec Group) tổng giá trị đầu tư 32,5 tỷ đồng. Công ty chưa trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này do không có giá tham chiếu đáng tin cậy. Khoản đầu tư này liên quan đến vụ kiện ông Hoàng Xuân Quyến - Nguyên Tổng Giám đốc Công ty về việc ông đã vượt thẩm quyền khi ký kết các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán mà chưa có sự phê duyệt của Hội đồng quản trị, xem cụ thể tại Thuyết minh số 30.*

(\*\*) *Tiền gửi có kỳ hạn 12 đến 13 tháng, lãi suất 7,2% - 7,3%/năm.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM  
 Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Chi tiêu	Số đầu năm (VND)		Số phát sinh trong năm (VND)		Tổng số	Số cuối năm (VND)		Số dự phòng đã lập (VND)
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	(Giảm)		Số quá hạn	Số khó đòi	
- Phải thu của khách hàng	36.239.387.838	13.209.180.638	14.798.000.000	(15.174.000.000)	35.863.387.838	12.828.180.638	12.828.180.638	12.828.180.638
- Trả trước cho người bán	151.253.089	-	-	(124.234.339)	27.018.750	-	-	-
+ Ngân hạn	151.253.089	-	-	(124.234.339)	27.018.750	-	-	-
+ Dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Phải thu Sở GD&ĐT	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Phải thu khác	13.710.919.337	12.754.092.058	1.209.245.625	(1.562.117.348)	13.358.047.614	12.754.092.058	10.428.092.058	10.428.092.058

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí thuê văn phòng	242.044.168	27.381.585
Chi phí sửa chữa văn phòng	39.786.502	56.386.185
Chi phí chờ phân bổ khác	75.712.408	282.427.047
<b>Cộng</b>	<b>357.543.078</b>	<b>366.194.817</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tạm ứng	1.989.138.846	1.842.084.439
Ký quỹ	18.150.000	13.150.000
<b>Cộng</b>	<b>2.007.288.846</b>	<b>1.855.234.439</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí sửa chữa văn phòng HCM	103.462.699	210.971.419
Chi phí chờ phân bổ khác	10.896.859	25.896.901
<b>Cộng</b>	<b>114.359.558</b>	<b>236.868.320</b>

**10. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

<i>Chi tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	298.643.023	298.643.023
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	32.111.603	32.111.603
<b>Cộng</b>	<b>330.754.626</b>	<b>330.754.626</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	1.435.417.000	978.350.000	3.799.167.059	6.212.934.059
Giảm khác	-	-	(23.673.969)	(23.673.969)
Số cuối năm	1.435.417.000	978.350.000	3.775.493.090	6.189.260.090
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số đầu năm	1.004.791.885	48.860.131	2.978.733.123	4.032.385.139
Khấu hao trong năm	287.083.410	163.068.396	676.089.253	1.126.241.059
Giảm khác	-	-	(29.197.465)	(29.197.465)
Số cuối năm	1.291.875.295	211.928.527	3.625.624.911	5.129.428.733
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	430.625.115	929.489.869	820.433.936	2.180.548.920
Số cuối năm	143.541.705	766.421.473	149.868.179	1.059.831.357

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.820.693.067 đồng.

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	13.763.628.254	1.276.062.310	15.039.690.564
Mua trong năm	30.000.000	-	30.000.000
Số cuối năm	13.793.628.254	1.276.062.310	15.069.690.564
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu năm	10.017.621.860	1.126.559.529	11.144.181.389
Khấu hao trong năm	3.054.842.226	70.419.446	3.125.261.672
Số cuối năm	13.072.464.086	1.196.978.975	14.269.443.061
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.746.006.394	149.502.781	3.895.509.175
Số cuối năm	721.164.168	79.083.335	800.247.503

Trong đó, nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.357.184.980 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	126.120.132	120.988.512
<b>Cộng</b>	<b>126.120.132</b>	<b>120.988.512</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	176.363.635	-
Thuế thu nhập cá nhân	75.849.618	24.855.532
<b>Cộng</b>	<b>252.213.253</b>	<b>24.855.532</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Cuối năm</i>	<i>Đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí hoạt động	29.700.000	26.843.787
Chi phí phải trả khác	236.706.025	27.500.000
<b>Cộng</b>	<b>266.406.025</b>	<b>54.343.787</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Kinh phí công đoàn	3.290.660	17.523.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	1.067.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.419.565.077	2.419.876.731
<b>Cộng</b>	<b>2.422.855.737</b>	<b>2.438.467.231</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	538.976.673	607.155.605
<b>Cộng</b>	<b>538.976.673</b>	<b>607.155.605</b>

**18. PHẢI TRẢ HỘ CỔ TỨC, GÓC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phải trả hộ cổ tức của nhà đầu tư	24.073.688.095	8.464.197.365
<b>Cộng</b>	<b>24.073.688.095</b>	<b>8.464.197.365</b>

**19. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nhận ký quỹ	40.975.976	40.975.976
<b>Cộng</b>	<b>40.975.976</b>	<b>40.975.976</b>

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

<i>Cổ đông</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>(%)</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	64%	80.000.000.000	80.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	11%	13.750.000.000	13.750.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Hồng	15%	18.750.000.000	18.750.000.000
Ông Phan Hữu Tuấn	10%	12.500.000.000	12.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>125.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**21. DOANH THU KHÁC**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi	3.379.873.989	1.386.118.449
Doanh thu khác	736.135.527	1.703.356.622
<b>Cộng</b>	<b>4.116.009.516</b>	<b>3.089.475.071</b>

**22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí môi giới kinh doanh	-	18.232.796
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	6.660.329.936
Chi phí hoạt động tư vấn	-	1.300.000.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	258.142.556	436.013.584
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)	-	(2.701.226.811)
Chi phí khác	5.146.884.635	26.581.203.024
<b>Cộng</b>	<b>5.405.027.191</b>	<b>32.294.552.529</b>

**23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí nhân viên	2.804.950.077	4.267.411.225
Chi phí vật liệu quản lý	38.962.502	-
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.924.879.924	149.341.460
Chi phí khấu hao TSCĐ	550.404.968	146.965.909
Thuế, phí và lệ phí	4.879.000	4.000.000
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi, phải trả	4.169.000.000	144.812.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.109.587.756	2.926.011.175
Chi phí bằng tiền khác	156.480.241	573.593.760
<b>Cộng</b>	<b>10.759.144.468</b>	<b>8.212.136.029</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20 % lợi nhuận thu được.

**a. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chi tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận kế toán (1)	2.023.879.228	3.776.624.524
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN (4) = (1) + (2) - (3)	2.023.879.228	3.776.624.524
Chuyển lỗ năm trước (5)	(2.023.879.228)	(3.776.624.524)
Thu nhập tính thuế (6)	-	-
Thuế suất (7)	22%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)</b>	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	-	-

**b. Tình hình quyết toán thuế TNDN**

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

**c. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại (“tài sản thuế TNHL”)**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế do không có các đảm bảo chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để cân trừ các khoản lỗ tính thuế đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)</b>	<b>2.023.879.228</b>	<b>3.776.624.524</b>
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
<b>Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)</b>	<b>2.023.879.228</b>	<b>3.776.624.524</b>
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	12.500.000	12.500.000
<b>Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>162</b>	<b>302</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN LIÊN VIỆT**

Tầng 11, Tòa nhà LienVietPostBank, 2A Nguyễn Thị Minh Khai, P.Đa Kao, Q.1, Tp.HCM  
 Điện thoại: (08) 3911 5797 Fax: (08) 3911 5798

Báo cáo tài chính cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>						
Đầu tư ngắn hạn khác	55.500.000.000	-	44.000.000.000	-	55.500.000.000	44.000.000.000
Phải thu khách hàng	35.863.387.838	12.828.180.638	36.239.387.838	8.659.180.638	23.035.207.200	27.580.207.200
Trả trước cho người bán	27.018.750	-	151.253.089	-	27.018.750	151.253.089
Phải thu khác	13.358.047.614	10.428.092.058	13.710.919.337	10.428.092.058	2.929.955.556	3.282.827.279
Tiền và các khoản tương đương tiền	47.422.318.962	-	30.885.786.038	-	47.422.318.962	30.885.786.038
<b>Cộng</b>	<b>152.170.773.164</b>	<b>23.256.272.696</b>	<b>124.987.346.302</b>	<b>19.087.272.696</b>	<b>128.914.500.468</b>	<b>105.900.073.606</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Phải trả người bán	62.688.936	-	61.160.000	-	62.688.936	61.160.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	252.213.253	-	24.855.532	-	252.213.253	24.855.532
Chi phí phải trả	266.406.025	-	54.343.787	-	266.406.025	54.343.787
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.422.855.737	-	2.438.467.231	-	2.422.855.737	2.438.467.231
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	814.393.939	-	-	-	814.393.939	-
<b>Cộng</b>	<b>3.818.557.890</b>	<b>-</b>	<b>2.578.826.550</b>	<b>-</b>	<b>3.818.557.890</b>	<b>2.578.826.550</b>

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**26. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán được xác định theo giá trị thị trường.

**27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

*i. Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

*ii. Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.

*iii. Rủi ro về giá*

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty không có rủi ro tín dụng đối với khoản phải thu khách hàng do Công ty quản lý tài sản của khách hàng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**c. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Công nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<b>Cuối năm</b>				
Phải trả người bán	62.688.936	-	-	62.688.936
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	252.213.253	-	-	252.213.253
Chi phí phải trả	266.406.025	-	-	266.406.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.422.855.737	-	-	2.422.855.737
Doanh thu chưa thực hiện	814.393.939	-	-	814.393.939
<b>Đầu năm</b>				
Phải trả người bán	61.160.000	-	-	61.160.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.855.532	-	-	24.855.532
Chi phí phải trả	54.343.787	-	-	54.343.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.438.467.231	-	-	2.438.467.231

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**27. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá**

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty; Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn, cũng không bị giảm giá.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn và giảm giá trị tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i> <i>VND</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i> <i>VND</i>	<i>Giảm giá</i> <i>VND</i>
Các khoản đầu tư	55.500.000.000	32.500.000.000	-
Phải thu khách hàng	35.863.387.838	12.828.180.638	-
Phải thu khác	13.358.047.614	12.754.092.058	6.483.272.614

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**a. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm**

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Giá trị</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	Cổ đồng	Cung cấp dịch vụ	4.272.727.273
		Mua dịch vụ	102.564.000
		Cổ tức nhận hộ Him Lam	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đồng	Gửi tiền có kỳ hạn	182.900.000.000
		Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.379.873.989
		Cung cấp dịch vụ	825.000.000

**b. Giao dịch với thành viên ban lãnh đạo chủ chốt**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Các lợi ích ngắn hạn cho nhân viên (gồm lương, phụ cấp, thuế thu nhập các nhân trả hộ, lợi ích bằng hiện vật, bảo hiểm xã hội và y tế) và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	1.210.506.087	827.528.571

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**c. Số dư công nợ phải thu/(phải trả) với các bên liên quan**

<i>Đối tượng</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Phải thu/(phải trả)</i> <i>VND</i>
Công ty Cổ phần Him Lam	Cổ đông	Mua dịch vụ	(3.660.000)
		Cổ tức nhận hộ Him Lam	(1.500.000.000)
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Cổ đông	Tiền gửi có kỳ hạn	69.000.000.000
		Lãi dự thu	603.955.556

Số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

**29. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

**30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 01/06/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hà Nội đã có thông báo số 853 về việc “Khởi tố và tạm giam bị can” đối với ông Hoàng Xuân Quyến – Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt về hành vi “tự ý ký 2 hợp đồng huy động vốn với Ngân hàng TMCP Tiên Phong và 3 hợp đồng hợp tác đầu tư (repo) cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group) không đúng thẩm quyền, làm trái quy định và điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt gây thiệt hại đặc biệt lớn đến tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Liên Việt”.

Cụ thể, ông Hoàng Xuân Quyến đã ký 3 hợp đồng hợp tác kinh doanh cổ phần số HTKD2501-01/LVS-KH (ngày 25/01/2011), HTKD1502-01/LVS-KH (ngày 15/02/2011), HTKD1502-02/LVS-KH (ngày 15/02/2011) với lần lượt bà Trần Thị Huệ Chi, ông Nguyễn Đức Hoàn, ông Bùi Hoàng Giang để mua 3.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu Xây dựng (Cotec Group). Tổng số tiền đầu tư là 32,5 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo Điều lệ Công ty và các ủy quyền liên quan, ông Hoàng Xuân Quyến chỉ được ký kết các hợp đồng này khi Hội đồng quản trị thông qua. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng cho rằng trong điều khoản của hợp đồng có sự sửa chữa so với các loại hợp đồng cùng loại của Công ty, gây bất lợi cho Công ty.

Biên bản làm việc giữa Công ty và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ thuộc Công an Thành phố Hà Nội ngày 15/05/2012 với nội dung như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

- Công ty yêu cầu ông Hoàng Xuân Quyến và các bên có liên quan (ông Trần Tự Thành, ông Đỗ Quang Minh, ông Nguyễn Đức Hoàn) do đã vi phạm thẩm quyền, dẫn đến gây hậu quả nghiêm trọng phải trả cho Công ty tổng số tiền 40.658.381.944 đồng, bao gồm 32.500.000.000 đồng tiền gốc và 8.158.381.944 đồng tiền lãi ước tính sử dụng vốn không hiệu quả (lãi ước tính chưa ghi nhận vào báo cáo tài chính). Đến thời điểm này, các bên nêu trên đã tự nguyện nộp vào Công ty số tiền 2.336.000.000 đồng để tạm thời khắc phục hậu quả. Số tiền còn phải nộp là 38.822.381.944 đồng;
- Sau khi trả đủ tiền, Công ty sẽ trả lại 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group cho các bên nêu trên.

Tuy nhiên, do hợp đồng được ký kết vượt thẩm quyền nên có thể hợp đồng sẽ vô hiệu, khi đó việc xử lý các quyền và nghĩa vụ giữa các bên có thể sẽ thay đổi. Đến thời điểm lập báo cáo này, sự việc đã được cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội kết thúc điều tra, chuyển hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị truy tố. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã có cáo trạng số 151/CT-VKS-P1B ngày 14 tháng 03 năm 2014 quyết định truy tố ông Hoàng Xuân Quyến ra trước Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về "Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ" (qui định tại khoản 3 Điều 282 Bộ luật hình sự). Hiện Công ty vẫn đang ghi nhận đây là khoản đầu tư ngắn hạn trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty và chưa ghi nhận các ảnh hưởng về tài chính liên quan đến khoản đầu tư này vào báo cáo tài chính. Được sự đồng ý của các cơ quan chức năng, Công ty đã tiến hành bán đấu giá khoản đầu tư cổ phiếu nêu trên để thu hồi tài sản và ước tính thiệt hại. Theo thông báo của Công ty Cổ phần bán đấu giá Nhân Văn, phiên bán đấu giá tài sản ngày 10 tháng 09 năm 2014 không thành công (phiên thứ 9). Và tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa phát sinh thêm phiên bán đấu giá kế tiếp.

Ngày 12 tháng 02 năm 2015, Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và đã ra Bản án số 69/2015/HSST cùng ngày với nội dung như sau: buộc ông Hoàng Xuân Quyến bồi thường số tiền 4.992.094.591 đồng cho Công ty (đây là phần thiệt hại vật chất được tính bằng tổng tiền lãi phải trả cho khoản tiền Công ty vay để thực hiện 3 hợp đồng nêu trên), được trừ 2.336.000.000 đồng đã nộp khắc phục, và buộc ông Nguyễn Hoàng Bách (người liên đới trong vụ án) chuyển trả cho Công ty số tiền 2.499.450.000 đồng. Số tiền 32.500.000.000 đồng Công ty đã bỏ ra để mua 3.000.000 cổ phiếu Cotec Group xem như là khoản đầu tư gốc của Công ty. Công ty đã làm đơn kháng cáo số 18/2015/CV-LVS ngày 24 tháng 02 năm 2015 gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội kháng cáo về giá trị bồi thường của ông Quyến. Công ty đang chờ Tòa án xét xử phúc thẩm.

**31. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Bích Hồng**  
Tổng Giám đốc  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

**Trần Lan Hương**  
Kế toán trưởng

**Bùi Thị Nga**  
Người lập biểu